

**THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ**

***Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông***

*(Kèm theo công văn số 19749 /BTC-CST ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính)*

Ngày 03/9/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1891/QĐ-TTg phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công an năm 2025 (gọi tắt là Phương án); Trong đó, Bộ Công an đã kiến nghị sửa đổi Thông tư số 71/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí (trong đó sửa đổi, bổ sung Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ).

Ngày 17/9/2025, Bộ Tài chính đã có công văn số 14546/BTC-CST gửi Bộ Công an về việc đề nghị Bộ Công an xây dựng Đề án sửa đổi, bổ sung Thông tư số 71/2025/TT-BTC do cắt giảm, đơn giản hóa TTHC thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công an.

Ngày 29/10/2025, Bộ Tài chính nhận được công văn số 4800/BCA-H01 ngày 24/10/2025 của Bộ Công an về việc thực hiện Quyết định số 1891/QĐ-TTg, trong đó có đề xuất giảm mức thu lệ phí quy định tại Thông tư số 71/2025/TT-BTC.

Để đảm bảo kịp thời thực hiện theo Phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Tài chính đã xây dựng hồ sơ dự thảo Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ**

- Tại điểm 5 Mục II Danh mục lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí quy định *Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông* thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp luật về phí và lệ phí, trên cơ sở đề xuất của Bộ Công an, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 60/2023/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 71/2025/TT-BTC.

- Tại Phương án ban hành kèm theo Quyết định số 1891/QĐ-TTg kiến

ngiht giảm mức lệ phí quy định tại Thông tư số 71/2025/TT-BTC. Như vậy, cần sửa đổi quy định về mức thu lệ phí tại Thông tư số 71/2025/TT-BTC cho phù hợp.

Căn cứ các quy định nêu trên, để đảm bảo thực hiện theo Phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1891/QĐ-TTg thì việc ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 60/2023/TT-BTC là rất cần thiết.

Ngoài ra, qua rà soát một số nội dung quy định tại Thông tư 60/2023/TT-BTC, cần sửa đổi để phù hợp với quy định của Luật Phí và lệ phí, phù hợp với các Thông tư phí và lệ phí ban hành trong thời gian gần đây.

Với các nội dung cần thiết phải sửa đổi nêu trên thì cần phải sửa đổi 07/09 Điều của Thông tư số 60/2023/TT-BTC và Biểu mức thu lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 60/2023/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 71/2025/TT-BTC). Theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL và để tạo thuận lợi cho việc tra cứu, trích dẫn văn bản, Bộ Tài chính ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 60/2023/TT-BTC.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG THÔNG TƯ**

- Việc ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 60/2023/TT-BTC bảo đảm đồng bộ, thống nhất với pháp luật chuyên ngành, pháp luật về phí, lệ phí, pháp luật về NSNN, pháp luật về trật tự, an toàn giao thông và chủ trương cắt giảm TTHC của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Nội dung Thông tư đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Kế thừa quy định hiện hành đang thực hiện hiệu quả, còn phù hợp, đảm bảo khả thi trong thực hiện.

## **III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ**

### **1. Tên gọi, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

Thông tư số 60/2023/TT-BTC quy định:

- Về tên gọi: Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

*“1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi là lệ phí cấp chứng nhận đăng ký, biển số phương tiện giao thông).*

*2. Thông tư này áp dụng đối với người nộp lệ phí, tổ chức thu lệ phí và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, miễn, quản lý lệ phí cấp chứng nhận đăng ký, biển số phương tiện giao thông.*

*3. Thông tư này không áp dụng đối với việc cấp chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (do Sở Giao thông vận tải*

*cấp chứng nhận đăng ký, biển số) và xe cơ giới của quân đội sử dụng vào mục đích quốc phòng.”*

Qua đánh giá thực hiện, nội dung quy định về tên gọi, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng không phát sinh vướng mắc, Bộ Công an không đề xuất sửa đổi.

Theo quy định của Luật Phí và lệ phí thì tổ chức thu lệ phí phải nộp đầy đủ, kịp thời vào NSNN, do đó không cần thiết phải quy định về việc quản lý lệ phí tại Thông tư. Do đó, Bộ Tài chính bỏ cụm từ “quản lý” tại tên Thông tư, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và thống nhất với tên lệ phí quy định tại Luật phí và lệ phí. Đồng thời, bỏ quy định tại Điều 8 Thông tư số 60/2023/TT-BTC để phù hợp với Luật Phí và lệ phí hiện hành.

Theo đó, Bộ Tài chính quy định tên, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng tại dự thảo Thông tư như sau:

- Về tên gọi: Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông.

- Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

*“1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông.*

*2. Thông tư này áp dụng đối với người nộp lệ phí, tổ chức thu lệ phí và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, miễn lệ phí đăng ký, biển phương tiện giao thông.*

*3. Thông tư này không áp dụng đối với việc cấp chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ và xe cơ giới của quân đội sử dụng vào mục đích quốc phòng.”*

## **2. Bố cục của dự thảo Thông tư**

Dự thảo Thông tư gồm 8 Điều, trong đó: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; Điều 2. Người nộp lệ phí; Điều 3. Tổ chức thu lệ phí; Điều 4. Giải thích từ ngữ; Điều 5. Mức thu lệ phí; Điều 6. Miễn lệ phí; Điều 7. Kê khai, thu, nộp lệ phí; Điều 8. Điều khoản thi hành.

## **3. Nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư**

### **3.1. Về người nộp và tổ chức thu lệ phí**

Tại Điều 2 và Điều 3 Thông tư số 60/2023/TT-BTC quy định:

#### **“Điều 2. Người nộp lệ phí**

*Tổ chức, cá nhân khi được cơ quan công an có thẩm quyền cấp chứng nhận đăng ký, biển số phương tiện giao thông thì phải nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư này.*

#### **Điều 3. Tổ chức thu lệ phí**

*Cơ quan công an thực hiện cấp chứng nhận đăng ký, biển số phương tiện giao thông theo quy định pháp luật là tổ chức thu lệ phí theo quy định tại Thông tư này.”*

Qua đánh giá thực hiện, nội dung quy định về người nộp và tổ chức thu lệ phí không phát sinh vướng mắc, Bộ Công an không đề xuất sửa đổi.

Tuy nhiên, hiện nay, các Thông tư thu phí, lệ phí đều quy định tổ chức thu phí, lệ phí theo hướng không đề cập đến tên cụ thể tổ chức thu phí, lệ phí mà viện dẫn theo quy định của pháp luật chuyên ngành để đảm bảo tính ổn định của văn bản quy phạm pháp luật, tránh trường hợp phải sửa Thông tư khi có thay đổi tổ chức thu phí, lệ phí, cũng như sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của các đơn vị. Do đó, Bộ Tài chính quy định về người nộp và tổ chức thu lệ phí tại Điều 2 và Điều 3 dự thảo Thông tư như sau:

### **“Điều 2. Người nộp lệ phí**

*Tổ chức, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chứng nhận đăng ký, biển phương tiện giao thông thì phải nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư này.*

### **Điều 3. Tổ chức thu lệ phí**

*Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện cấp chứng nhận đăng ký, biển số phương tiện giao thông theo quy định pháp luật là tổ chức thu lệ phí theo quy định tại Thông tư này.”*

### **3.2. Về giải thích từ ngữ**

Tại Điều 4 Thông tư số 60/2023/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 71/2025/TT-BTC quy định:

*“Trong Thông tư này, một số từ ngữ được hiểu như sau:*

#### **1. Phương tiện giao thông, gồm:**

a) Xe ô tô, máy kéo, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô, máy kéo và các loại xe được cấp biển tương tự như xe ô tô (sau đây gọi chung là xe ô tô); không bao gồm xe lam.

b) Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự (sau đây gọi chung là xe mô tô).

2. Các khu vực quy định tại Thông tư này được xác định theo địa giới hành chính, cụ thể như sau:

a) Khu vực I gồm: Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm tất cả các xã, phường trực thuộc thành phố không phân biệt nội thành hay ngoại thành, trừ đặc khu trực thuộc cấp tỉnh.

b) Khu vực II gồm: Đặc khu trực thuộc cấp tỉnh tại khu vực I và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác ngoài khu vực I quy định tại điểm a Khoản này.

3. Cấp lần đầu chứng nhận đăng ký kèm theo biển số là cấp chứng nhận đăng ký và biển số cho phương tiện giao thông đăng ký lần đầu tại Việt Nam (kể cả các phương tiện giao thông đã qua sử dụng hay đã đăng ký tại nước ngoài, phương tiện tịch thu và phương tiện được xác lập quyền sở hữu toàn dân khác) theo quy định của Bộ Công an.

4. Cấp đổi chứng nhận đăng ký, biển số, gồm:

a) Cấp chứng nhận đăng ký, biển số áp dụng đối với các trường hợp: Đăng ký sang tên, di chuyển xe theo quy định của Bộ Công an.

b) Cấp đổi, cấp lại chứng nhận đăng ký, biển số theo quy định của Bộ Công an.

c) Cấp chứng nhận đăng ký, biển số đối với phương tiện giao thông đã đăng ký tại Việt Nam không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b Khoản này theo quy định của Bộ Công an.”

- Tại khoản 1 Điều 34 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 (TTATGTĐB) đã có sự thay đổi về quy định các loại xe cơ giới, cụ thể:

“Xe cơ giới bao gồm: Xe ô tô...; Rơ moóc...; Sơ mi rơ moóc...; Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ là xe có từ bốn bánh trở lên, ...; Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ...; Xe mô tô...; Xe gắn máy...; Xe tương tự các loại xe quy định tại khoản này.”

Trên cơ sở quy định các loại xe cơ giới tại Luật TTATGTĐB, Bộ Tài chính hoàn thiện lại nội dung giải thích từ ngữ tại dự thảo Thông tư như sau:

“Trong Thông tư này, một số từ ngữ được hiểu như sau:

Trong Thông tư này, một số từ ngữ được hiểu như sau:

1. Phương tiện giao thông là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ theo quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, gồm:

a) Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và các loại xe được cấp biển tương tự như xe ô tô (sau đây gọi chung là xe ô tô).

b) Xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự (sau đây gọi chung là xe mô tô).

2. Các khu vực quy định tại Thông tư này được xác định theo địa giới hành chính, cụ thể như sau:

a) Khu vực I gồm: Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm tất cả các xã, phường trực thuộc thành phố không phân biệt nội thành hay ngoại thành, trừ đặc khu trực thuộc cấp tỉnh.

b) Khu vực II gồm: Đặc khu trực thuộc cấp tỉnh tại khu vực I và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác ngoài khu vực I quy định tại điểm a Khoản này.

3. *Cấp lần đầu chứng nhận đăng ký kèm theo biển số là cấp chứng nhận đăng ký và biển số cho phương tiện giao thông đăng ký lần đầu tại Việt Nam (kể cả các phương tiện giao thông đã qua sử dụng hay đã đăng ký tại nước ngoài, phương tiện tịch thu và phương tiện được xác lập quyền sở hữu toàn dân khác) theo quy định của Bộ Công an.*

4. *Cấp đổi chứng nhận đăng ký, biển số, gồm:*

a) *Cấp chứng nhận đăng ký, biển số áp dụng đối với các trường hợp đăng ký sang tên, di chuyển xe theo quy định của Bộ Công an.*

b) *Cấp đổi, cấp lại chứng nhận đăng ký, biển số theo quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.*

c) *Cấp chứng nhận đăng ký, biển số đối với phương tiện giao thông đã đăng ký tại Việt Nam không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b Khoản này theo quy định của Bộ Công an."*

Các nội dung khác giữ như quy định tại Thông tư số 60/2023/TT-BTC.

### 3.3. Về mức thu lệ phí

- Mức thu lệ phí quy định tại Thông tư số 60/2023/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 71/2025/TT-BTC.

- Tại công văn số 4800/BCA-H01 ngày 24/10/2025 của Bộ Công an đã đề xuất cụ thể mức thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 71/2025/TT-BTC (giảm 30% so với mức thu hiện hành), đối với mức thu lệ phí cấp đổi biển số không đề nghị sửa đổi.

Căn cứ đề nghị tại công văn số 4800/BCA-H01 của Bộ Công an, Cục CST trình Bộ quy định mức thu lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 theo hướng giảm 30% so với mức thu lệ phí hiện hành tại Thông tư số 60/2023/TT-BTC (trừ mức thu lệ phí cấp đổi biển số) dự thảo Thông tư như sau:

*"1. Mức thu lệ phí cấp chứng nhận đăng ký, biển số phương tiện giao thông được thực hiện như sau:*

Đơn vị tính: đồng/lần/xe

| Số TT | Nội dung thu lệ phí                                              | Khu vực I  | Khu vực II |
|-------|------------------------------------------------------------------|------------|------------|
| I     | <b>Cấp mới chứng nhận đăng ký xe và biển số xe cơ giới</b>       |            |            |
| 1     | Xe ô tô, trừ xe ô tô quy định tại điểm 2, điểm 3 Mục này         | 350.000    | 100.000    |
| 2     | Xe ô tô chở người từ 9 chỗ trở xuống (bao gồm cả xe con pick-up) | 14.000.000 | 140.000    |
| 3     | Rơ moóc, sơ mi rơ moóc đăng ký rời                               | 140.000    | 105.000    |

|            |                                                                    |           |         |
|------------|--------------------------------------------------------------------|-----------|---------|
| 4          | Xe mô tô                                                           |           |         |
| a          | Trị giá đến 15.000.000 đồng                                        | 700.000   | 105.000 |
| b          | Trị giá trên 15.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng                   | 1.400.000 | 105.000 |
| c          | Trị giá trên 40.000.000 đồng                                       | 2.800.000 | 105.000 |
| <b>II</b>  | <b>Cấp đổi chứng nhận đăng ký đăng ký xe và biển số xe cơ giới</b> |           |         |
| 1          | Cấp đổi chứng nhận đăng ký kèm theo biển số                        |           |         |
| a          | Xe ô tô                                                            | 105.000   |         |
| b          | Xe mô tô                                                           | 70.000    |         |
| 2          | Cấp đổi chứng nhận đăng ký không kèm theo biển số                  | 35.000    |         |
| 3          | Cấp đổi biển số                                                    |           |         |
| a          | Xe ô tô                                                            | 100.000   |         |
| b          | Xe mô tô                                                           | 50.000    |         |
| <b>III</b> | <b>Cấp chứng nhận đăng ký xe tạm thời, biển số xe tạm thời</b>     |           |         |
| 1          | Cấp chứng nhận đăng ký tạm thời và biển số tạm thời bằng giấy      | 35.000    |         |
| 2          | Cấp chứng nhận đăng ký tạm thời và biển số tạm thời bằng kim loại  | 105.000   |         |

2. Tổ chức, cá nhân có trụ sở, nơi cư trú ở khu vực nào thì nộp lệ phí cấp chứng nhận đăng ký, biển số phương tiện giao thông theo mức thu lệ phí quy định tương ứng với khu vực đó.

Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá biển số phương tiện giao thông nộp lệ phí cấp chứng nhận đăng ký, biển số phương tiện giao thông theo mức thu lệ phí của khu vực tổ chức, cá nhân lựa chọn đăng ký, cấp biển số xe trúng đấu giá theo quy định pháp luật về đăng ký xe, biển số xe cơ giới.

3. Đối với xe ô tô, xe mô tô của công an sử dụng vào mục đích an ninh đăng ký tại khu vực I hoặc đăng ký tại Cục Cảnh sát giao thông, Bộ Công an thì áp dụng mức thu tại khu vực I.

4. Trị giá xe mô tô làm căn cứ áp dụng mức thu lệ phí cấp chứng nhận đăng ký, biển số phương tiện giao thông là giá tính lệ phí trước bạ tại thời điểm đăng ký.”

### 3.4. Về các trường hợp được miễn lệ phí

Tại Điều 6 Thông tư số 60/2023/TT-BTC quy định như sau:

“Các trường hợp sau đây được miễn lệ phí:

1. Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc.

2. Viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự, nhân viên hành chính kỹ thuật của cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan lãnh sự nước ngoài, thành viên các tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc và thành viên của gia đình họ không phải là công dân Việt Nam hoặc không thường trú tại Việt Nam được Bộ Ngoại giao Việt Nam hoặc cơ quan ngoại vụ địa phương (được Bộ Ngoại giao ủy quyền) cấp chứng minh thư ngoại giao; chứng minh thư công vụ hoặc chứng thư lãnh sự.

Trường hợp này khi đăng ký cấp giấy chứng nhận, biển số phương tiện giao thông, người đăng ký phải xuất trình với cơ quan đăng ký chứng minh thư ngoại giao; chứng minh thư công vụ hoặc chứng thư lãnh sự theo quy định của Bộ Ngoại giao.

3. Tổ chức, cá nhân nước ngoài khác (cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế liên chính phủ ngoài hệ thống Liên hợp quốc, cơ quan đại diện của tổ chức phi chính phủ, các đoàn của tổ chức quốc tế, thành viên của cơ quan và tổ chức khác) không thuộc đối tượng nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nhưng được miễn nộp hoặc không phải nộp lệ phí cấp chứng nhận đăng ký, biển số phương tiện giao thông theo cam kết quốc tế, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thỏa thuận quốc tế giữa bên ký kết Việt Nam với bên ký kết nước ngoài. Trường hợp này tổ chức, cá nhân phải cung cấp cho cơ quan đăng ký: Bản chụp cam kết quốc tế, điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế.

4. Xe mô tô ba bánh chuyên dùng cho người khuyết tật.”

Qua đánh giá thực hiện, nội dung quy định về các trường hợp được miễn lệ phí không phát sinh vướng mắc, Bộ Công an không đề xuất sửa đổi. Vì vậy, Bộ Tài chính giữ quy định này tại dự thảo Thông tư.

### **3.5. Về kê khai, thu, nộp lệ phí**

Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính. Trong đó, đã quy định cụ thể hình thức khai, nộp phí, lệ phí của tổ chức thu và người nộp phí, lệ phí đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính. Hiện các Thông tư thu lệ phí đều dẫn chiếu kê khai, nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư số 74/2022/TT-BTC.

Luật NSNN năm 2025 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026) thì phạm vi NSNN bao gồm toàn bộ các khoản phí, lệ phí do cơ quan nhà nước thực hiện. Theo đó, giữa Thông tư số 74/2022/TT-BTC và Luật NSNN năm 2025 có một số nội dung về kê khai, nộp phí, lệ phí chưa đồng bộ. Hiện Bộ Tài chính đã nghiên cứu, đưa toàn bộ nội dung tại Thông tư số 74/2022/TT-BTC lên Nghị định thay thế Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, Nghị định số 82/2023/NĐ-CP và dự kiến sẽ bãi bỏ Thông tư số 74/2022/TT-BTC để đảm bảo tính pháp lý và thống nhất áp dụng đối với các khoản phí, lệ phí.

Để bảo đảm thống nhất, thuận lợi trong quá trình thực hiện, Bộ Tài chính quy định nội dung kê khai, thu, nộp lệ phí cụ thể tại Điều 7 dự thảo Thông tư như sau:

**“Điều 7. Kê khai, thu, nộp lệ phí**

1. Người nộp lệ phí thực hiện nộp lệ phí cho tổ chức thu lệ phí theo hình thức quy định tại Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.

2. Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương) theo chương, tiểu mục của Mục lục NSNN hiện hành, bao gồm tiền lãi phát sinh (nếu có) trên số dư tài khoản liên quan trong quá trình thu lệ phí. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí được NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu lệ phí theo chế độ, định mức chi NSNN theo quy định của pháp luật. Tổ chức thu lệ phí kê khai, thu, nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.”

Đồng thời, tại dự thảo Thông tư bỏ Điều 8 về quản lý và sử dụng lệ phí đề phù hợp với Luật NSNN năm 2025.

**4. Về hình thức văn bản**

Với các nội dung cần thiết phải sửa đổi nêu trên thì cần phải sửa đổi 07/09 Điều của Thông tư số 60/2023/TT-BTC. Theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL và để tạo thuận lợi cho việc tra cứu, trích dẫn văn bản, Bộ Tài chính ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 60/2023/TT-BTC.

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH THÔNG TƯ VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

1. Dự thảo Thông tư sửa đổi một số nội dung cho đồng bộ với pháp luật hiện hành; hoạt động tổ chức thu, nộp phí, lệ phí vẫn sử dụng nguồn nhân lực hiện có của các cơ quan cung cấp dịch vụ; không phát sinh thêm nguồn nhân lực, tài chính cho việc tổ chức thực hiện Thông tư.

2. Dự thảo Thông tư không quy định thủ tục hành chính thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và các Nghị định sửa đổi, bổ sung về kiểm soát thủ tục hành chính hiện hành.

3. Thời gian ban hành: Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

**BỘ TÀI CHÍNH**